

KẾT LUẬN THANH TRA
Về việc chấp hành pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính
đối với Chủ tịch UBND các xã: Tân Phước, Thuận Lợi

Thực hiện Quyết định số 2048/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt Kế hoạch thanh tra năm 2024;

Ngày 09/9/2024, Thanh tra huyện đã ban hành Quyết định số 19/QĐ-TTr ngày 09/9/2024 về thanh tra việc chấp hành pháp luật trong lĩnh vực xử phạt vi phạm hành chính đối với Chủ tịch UBND các xã: Tân Phước, Thuận Lợi. Từ ngày 24/9/2024 đến ngày 04/11/2024, Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra tại UBND các xã: Tân Phước, Thuận Lợi;

Xét báo cáo kết quả thanh tra tại Báo cáo số 01/BC-ĐTTr ngày 21/11/2024 của Đoàn Thanh tra số 19, Chánh Thanh tra huyện kết luận thanh tra, như sau:

A. Khái quát chung.

UBND xã là đơn vị hành chính thuộc UBND huyện, có chức năng quản lý Nhà nước về hành chính. Cơ cấu Ban lãnh đạo UBND xã, gồm: Chủ tịch và các Phó Chủ tịch giúp việc cho Chủ tịch. Chủ tịch UBND xã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 36, Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/QH14 ngày 22/11/2019. Trong đó, có thực hiện thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, đối với UBND xã Thuận Lợi do Chủ tịch UBND xã trực tiếp phụ trách lĩnh vực xử phạt hành chính; còn đối với UBND xã Tân Phước thì lĩnh vực xử phạt vi phạm hành chính trên địa bàn xã giao quyền theo quy định tại Điều 54, Luật XLVPHC năm 2012 được sửa đổi, bổ sung năm 2020 cho ông Nguyễn Văn Hạnh – Nguyên PCT.UBND xã theo Quyết định số 09/QĐ-GQXP ngày 10/01/2023 của Chủ tịch UBND xã thuộc thời kỳ thanh tra từ ngày 01/01/2023 đến 31/12/2023.

B. Kết quả kiểm tra, xác minh.

I. Cơ sở pháp lý.

- Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 19/11/2013;
- Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 ngày 20/6/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật XLVPHC năm 2020; Văn bản hợp nhất 20/VBHN-VPQH năm 2022 hợp nhất Luật Xử lý VPHC và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;
- Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;
- Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt;
- Nghị định số 19/2020/NĐ-CP ngày 12/02/2020 của Chính phủ quy định về kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

- Nghị định số 03/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đê điều.

II. Tổng số trường hợp bị xử phạt vi phạm hành chính.

Qua kết quả thanh tra, tổng số trường hợp bị xử phạt vi phạm hành chính tại 02 xã là 82 trường hợp với tổng số tiền thu phạt là 205.000.000đ. Chi tiết từng xã theo biểu sau:

ST T	Tên xã	Tổng số trường hợp xử phạt	Lĩnh vực đất đai	Lĩnh vực khác	Tổng số tiền thu phạt	Hình thức thu phạt
(1)	(2)	(3) = (4) + (5)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Thuận Lợi	24	23	01	55.000.000	Nộp tại UBND xã.
2	Tân Phước	58	53	05	150.000.000	Nộp tại UBND xã.
Tổng cộng		82	76	06	205.000.000	

III. Việc chấp hành pháp luật trong công tác lập biên bản vi phạm hành chính.

1. Thể thức biên bản.

- UBND xã Tân Phước về cơ bản là chấp hành theo đúng mẫu Biên bản số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính.

- UBND xã Thuận lợi:

+ 05/24 biên bản là chấp hành theo đúng mẫu Biên bản số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính.

+ 19/24 biên bản là chấp hành không đúng theo mẫu Biên bản số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính. Mà áp dụng mẫu biên bản theo Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính (đã hết hiệu lực thi hành).

2. Tính kịp thời trong việc lập biên bản vi phạm hành chính.

Qua thanh tra cho thấy, 02/02 xã về cơ bản là chấp hành tốt công tác phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm về đất đai theo quy định tại Điều 208 Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản pháp luật có liên quan.

3. Việc chấp hành pháp luật trong việc lập biên bản vi phạm hành chính.

02/02 xã lập biên bản không đúng theo quy định tại Khoản 2, Điều 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 29, Điều 1, Luật XLVPHC năm 2020 vì thiếu các yếu tố: Địa điểm vi phạm, thời gian vi phạm, diện tích vi phạm trong khi đây là các yếu tố bắt buộc. Lý do:

- *Địa điểm vi phạm*: Là căn cứ để xác định thửa đất vi phạm nhằm xác định cá nhân là chủ sử dụng, trên cơ sở đó mới đủ căn cứ ban hành quyết định xử phạt (quy định

tại điểm b, khoản 1 Điều 65 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020).

- *Thời gian vi phạm*: Là căn cứ để xác định thời hiệu xử phạt (quy định tại Điều 6, Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012 được sửa đổi, bổ sung năm 2020; điểm c, khoản 1 Điều 65 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong trường hợp khi hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 6).

- *Diện tích vi phạm*: Việc ghi nhận diện tích đất đai bị vi phạm là cơ sở để áp dụng các khung hình phạt tương ứng theo quy định tại Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ; Nghị định số 03/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đê điều. Đối với các trường hợp bắt buộc theo quy định, 02 xã đều có ghi nhận tại biên bản và Quyết định XPVPHC.

(Chi tiết tại Biểu 01 và Biểu 02 kèm theo).

IV. Việc chấp hành pháp luật về thể thức quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

- UBND xã Tân Phước: Về cơ bản chấp hành theo đúng mẫu Quyết định số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính.

- UBND xã Thuận Lợi:

+ 05/24 quyết định xử phạt vi phạm hành chính là chấp hành theo đúng mẫu Quyết định số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính.

+ 19/24 quyết định xử phạt vi phạm hành chính là chấp hành không đúng theo mẫu Quyết định số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính. Mà áp dụng mẫu Quyết định theo Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính (*đã hết hiệu lực thi hành*).

V. Công tác thu – chi trong lĩnh vực xử phạt vi phạm hành chính.

Qua kết quả thanh, kiểm tra thì kết quả thu - chi đối với nguồn thu phạt này đảm bảo. Tất cả nguồn thu phạt 02 xã: Tân Phước và Thuận Lợi người vi phạm nộp trực tiếp tại UBND xã, hồ sơ thu có đầy đủ biên lai thu phạt, sổ quỹ tiền mặt, phiếu thu, phiếu chi và chứng từ nộp tiền về Kho bạc Nhà nước huyện theo quy định. Tuy nhiên, đối với UBND xã Tân Phước còn có một số trường hợp người vi phạm đến nộp tiền phạt trễ nhưng lại không thu tiền chậm nộp phạt là chưa đúng theo quy định.

VI. Những tồn tại trong việc chấp hành pháp luật về ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

1. Việc chấp hành pháp luật về việc xác định địa điểm và thời gian vi phạm tại quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Theo quy định tại Điều 68 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) và mẫu Quyết định số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành

Luật Xử lý vi phạm hành chính, thì: “Biên bản vi phạm hành chính là một trong những căn cứ bắt buộc để ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính”. Tuy nhiên, như đã trình bày ở mục 3, Phần III của Kết luận này thì tại các biên bản vi phạm hành chính do 02 xã lập hầu như thiếu các yếu tố bắt buộc này để làm căn cứ xử phạt. Do các biên bản vi phạm hành chính lập không đúng nên việc ban hành quyết định xử phạt hầu như không đúng quy định của pháp luật. Cụ thể:

a) UBND xã Thuận Lợi.

- *Xác định địa điểm vi phạm:* 19/24 trường hợp biên bản vi phạm hành chính không ghi nhận địa điểm thửa đất bị vi phạm. Do đó, 19/24 quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo 19 biên bản này không ghi nhận địa điểm thửa đất bị vi phạm.

- *Xác định thời gian vi phạm:*

+ 05/24 trường hợp biên bản vi phạm hành chính có ghi nhận thời gian vi phạm. Nhưng 05 quyết định lại không ghi nhận thời gian vi phạm.

+ 19/24 trường hợp biên bản vi phạm hành chính không ghi nhận thời gian vi phạm. Dẫn đến 19 quyết định cũng không xác định thời gian vi phạm.

- *Việc ghi nhận quyền giải trình:* 22/24 biên bản vi phạm hành chính đều ghi nhận tại Mục 10: Ghi nhận quyền và thời gian giải trình của người vi phạm.

Do đó, các quyết định xử phạt vi phạm hành chính này là chưa đúng quy định pháp luật.

(Chi tiết các trường hợp tại Biểu số 01 kèm theo).

b) UBND xã Tân Phước.

- *Xác định địa điểm vi phạm:* 32/58 biên bản lập đều thiếu địa điểm thửa đất bị vi phạm. Do đó, 32/58 quyết định xử phạt vi phạm hành chính cũng không ghi nhận địa điểm vi phạm.

- *Thời gian vi phạm:* 20/58 biên bản không ghi nhận thời gian vi phạm. Do đó, 20/58 quyết định xử phạt vi phạm hành chính cũng không ghi nhận thời gian vi phạm.

- *Việc ghi nhận quyền giải trình:* 21/58 biên bản vi phạm hành chính đều ghi nhận tại Mục 10: Ghi nhận quyền và thời gian giải trình của người vi phạm.

(Chi tiết các trường hợp tại Biểu số 02 kèm theo).

- *Việc thực hiện thời hạn lập biên bản vi phạm hành chính khi phát hiện hành vi vi phạm:* 02/58 biên bản vi phạm hành chính lập quá 02 ngày so với thời gian phát hiện hành vi vi phạm.

(Chi tiết các trường hợp tại Biểu 03 kèm theo).

2. Việc chấp hành pháp luật trong áp dụng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ theo quy định tại Điều 9 và Điều 10 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020):

Cả 02 xã đều chấp hành theo quy định việc áp dụng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ theo quy định tại Điều 9 và Điều 10 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020).

3. Việc chấp hành pháp luật về thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính.

02 xã đã kịp thời phát hiện hành vi vi phạm và xử lý vi phạm theo quy định tại Điều 208 Luật Đất đai năm 2013.

4. Việc chấp hành pháp luật trong việc xác định hành vi vi phạm.

UBND xã Tân Phước.

a) Trường hợp Nông Văn Chương.

* Lý do: Chuyển đất rừng sản xuất sang đất phi nông nghiệp (đất ở) không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép, với diện tích là 98 m².

* Kết quả xử lý:

- UBND xã ban hành Quyết định số 442/QĐ-XPVPHC ngày 09/10/2023 về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Nông Văn Chương, cụ thể: Với mức phạt 4.000.000 áp dụng điểm a, Khoản 2, Điều 10, Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ là không đảm bảo phải áp dụng điểm a, Khoản 2, Điều 14, Nghị định 91/2019/NĐ-CP của Chính phủ (Vi đây là đất rừng sản xuất do tổ chức quản lý).

- Biên bản vi phạm hành chính số 26/BB-VPHC ngày 06/10/2023 của UBND xã Tân Phước đối với ông Nông Văn Chương. Tại biên bản: Áp dụng điểm a, Khoản 2, Điều 10, Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ là không đảm bảo phải áp dụng điểm a, Khoản 2, Điều 14, Nghị định 91/2019/NĐ-CP của Chính phủ (Vi đây là đất rừng sản xuất do tổ chức quản lý).

b) Trường hợp ông Đinh Tuấn Giang (do Hạt Kiểm lâm huyện lập Biên bản XLVPHC chuyển đến UBND xã để ban hành quyết định XPVPHC).

* Lý do: Chuyển đất rừng sản xuất sang đất phi nông nghiệp (đất ở) không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép, với diện tích là 128 m².

* Kết quả xử lý:

- UBND xã ban hành Quyết định số 111/QĐ-XPVPHC ngày 28/3/2023 về việc xử phạt vi phạm hành chính với ông Đinh Tuấn Giang, cụ thể: Với mức phạt 4.000.000 áp dụng điểm a, Khoản 2, điều 10, Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ là không đảm bảo phải áp dụng điểm a, Khoản 2, Điều 14, Nghị định 91/2019/NĐ-CP (vi đây là đất rừng sản xuất do tổ chức quản lý).

- Biên bản vi phạm hành chính số 03/BB-VPHC ngày 24/3/2023 đối với ông Đinh Tuấn Giang do Hạt Kiểm lâm huyện chuyển đến xác định chưa đúng hành vi vi phạm nhưng UBND xã Tân Phước vẫn làm căn cứ để ban hành quyết định XPVPHC, cụ thể: Áp dụng điểm a, Khoản 2, Điều 10, Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ là không đảm bảo phải áp dụng điểm a, Khoản 2, Điều 14, Nghị định 91/2019/NĐ-CP của Chính phủ (Vi đây là đất rừng sản xuất do tổ chức quản lý).

(Chi tiết các trường hợp tại Biểu số 05 kèm theo).

5. Việc chấp hành pháp luật về khung phạt và mức phạt tiền.

* UBND xã Thuận Lợi.

Trường hợp Mừng Thị Thơ.

- Hành vi vi phạm: Không thực hiện đăng ký đất đai theo quy định khi đã lập hợp đồng chuyển nhượng dưới 24 tháng (đối với 03 thửa đất).

- Kết quả xử lý: UBND xã đã ban hành 03 quyết định (Quyết định số 254/QĐ-XPVPHC ngày 27/10/2023; Quyết định số 255/QĐ-XPVPHC ngày 27/10/2023; Quyết định số 256/QĐ-XPVPHC ngày 27/10/2023) thực hiện xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Mừng Thị Thơ theo quy định tại điểm a, Khoản 2, Điều 17, Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ, với số tiền 1.000.000 đ là không đúng quy định.

6. Việc chấp hành pháp luật áp dụng về biện pháp khắc phục hậu quả tại các quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

- 02/02 xã tại các quyết định xử phạt vi phạm hành chính đều có áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tương ứng theo điều luật, nhưng có một số trường hợp UBND xã Thuận Lợi và Tân Phước không theo dõi việc chấp hành thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả của người vi phạm. Cụ thể:

a) UBND xã Thuận Lợi.

- Có 02/24 trường hợp không có kết quả tự nguyện khắc phục hậu quả của người vi phạm và UBND xã cũng chưa thực hiện theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

(Các trường hợp chi tiết tại Biểu số 01 kèm theo).

b) UBND xã Tân Phước.

- Có 18/58 trường hợp không có kết quả thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả của người vi phạm và UBND xã cũng chưa thực hiện theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

(Các trường hợp chi tiết tại Biểu số 02 kèm theo).

- Bên cạnh đó, UBND xã Tân Phước có 02/58 trường hợp vi phạm do xác định không đúng hành vi vi phạm dẫn đến xác định không đúng biện pháp khắc phục hậu quả tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

(Các trường hợp chi tiết tại Biểu số 05 kèm theo).

7. Việc chấp hành pháp luật trong công tác thu – chi trong lĩnh vực xử phạt vi phạm hành chính.

* UBND xã Tân Phước: Có 05/58 trường hợp không thu tiền chậm nộp phạt do người dân đến nộp chậm tiền phạt là không đảm bảo theo quy định tại khoản 1, Điều 78, Luật XLVPHC năm 2012 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 39, Điều 1, Luật sửa đổi, bổ sung năm 2020.

(Chi tiết tại Biểu số 04 kèm theo).

C. Kết luận.

Nhìn chung, ngoài những nội dung 02 xã đã thực hiện tốt đã nêu tại phần trên. Thì việc chấp hành về xử lý vi phạm hành chính tại 02 xã còn một số vi phạm: Ban hành quyết định xử phạt hành chính còn chưa đúng quy định, không theo dõi thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả; xác định không đúng hành vi vi phạm và sai khung tiền phạt theo quy định, cụ thể như sau:

I. UBND xã Thuận Lợi.

1. Việc chấp hành pháp luật trong công tác lập biên bản vi phạm hành chính.

a) Thể thức biên bản vi phạm hành chính.

- 05/24 biên bản là chấp hành theo đúng mẫu Biên bản số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính.

- 19/24 biên bản là không chấp hành đúng theo mẫu Biên bản số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính. Mà áp dụng mẫu biên bản theo Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định

chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính (đã hết hiệu lực thi hành) là vi phạm quy định tại Điều 156, Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015.

Trách nhiệm này thuộc về ông Lê Đình Tám – Chủ tịch UBND xã Thuận Lợi và ông Trần Quang – Công chức ĐC-XD xã Thuận Lợi.

b) Tính kịp thời trong việc phát hiện vi phạm và lập biên bản vi phạm hành chính.

Về cơ bản là chấp hành tốt công tác phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm về đất đai theo quy định tại Điều 208 Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản pháp luật có liên quan.

c) Việc chấp hành pháp luật về lập biên bản vi phạm hành chính.

- Lập biên bản ghi nhận chưa đầy đủ các yếu tố: Địa điểm vi phạm, thời gian vi phạm. Việc ghi nhận không đầy đủ này của UBND xã đã vi phạm Điều 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 29, Điều 1, Luật XLVPHC năm 2020.

- Lập biên bản VPHC ghi nhận mục 10: Quyền và thời gian giải trình của người vi phạm là chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 61, Luật XLVPHC năm 2012 và được sửa đổi, bổ sung tại khoản 30, Điều 1, Luật XLVPHC năm 2020.

Trách nhiệm này thuộc về ông Lê Đình Tám – Chủ tịch UBND xã Thuận Lợi và ông Trần Quang – Công chức ĐC-XD xã Thuận Lợi, ông Tống Trần Đức – Nguyên Công chức Địa chính – XD xã Thuận Lợi.

2. Việc chấp hành pháp luật về thể thức quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

- 05/24 quyết định là chấp hành theo đúng mẫu Quyết định số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính.

- 19/24 quyết định là chấp hành không đúng theo mẫu Quyết định số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính. Mà áp dụng mẫu Quyết định theo Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính (đã hết hiệu lực thi hành) là vi phạm quy định tại Điều 156, Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015.

Trách nhiệm này thuộc về ông Lê Đình Tám – Chủ tịch UBND xã Thuận Lợi và ông Trần Quang – Công chức ĐC-XD xã Thuận Lợi.

3. Việc chấp hành pháp luật về ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

a) Việc chấp hành pháp luật về xác định địa điểm và thời gian vi phạm tại quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

- 24 quyết định không ghi nhận thời gian vi phạm; 19/24 quyết định không ghi nhận địa điểm vi phạm. Là vi phạm Điều 3, Luật XLVPHC năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020).

Trách nhiệm này thuộc về ông Lê Đình Tám – Chủ tịch UBND xã Thuận Lợi và ông Trần Quang – Công chức ĐC-XD xã Thuận Lợi, ông Tống Trần Đức – Nguyên Công chức Địa chính – XD xã Thuận Lợi.

b) Việc chấp hành pháp luật về thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính.

Chấp hành theo quy định tại Điều 6 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) về thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính.

c) Việc chấp hành pháp luật trong việc xác định tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ theo quy định tại Điều 9 và Điều 10 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020):

Thực hiện đảm bảo theo quy định tại Điều 9 và Điều 10 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020).

d) Việc chấp hành pháp luật về định khung phạt và mức phạt tiền.

Đối với trường hợp của bà Mùng Thị Thơ, UBND xã đã ban hành 03 quyết định (*Quyết định số 254/QĐ-XPVPHC ngày 27/10/2023; Quyết định số 255/QĐ-XPVPHC ngày 27/10/2023; Quyết định số 256/QĐ-XPVPHC ngày 27/10/2023*) thực hiện xử phạt vi phạm hành chính đối với và Mùng Thị Thơ theo quy định tại điểm a, Khoản 2, Điều 17, Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai (khung phạt từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng), số tiền mà UBND xã phạt bà Mùng Thị Thơ là 1.000.000 đ. Với mức phạt này là chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 23 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) vì bà Mùng Thị Thơ không có tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ thì việc xử phạt bà Mùng Thị Thơ phải là mức trung bình khung với số tiền 2.000.000đ.

Trách nhiệm này thuộc về ông Lê Đình Tám – Chủ tịch UBND xã Thuận Lợi và ông Trần Quang – Công chức ĐC-XD xã Thuận Lợi.

đ) Việc chấp hành pháp luật về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả tại các quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Có 02/24 trường hợp vi phạm có biện pháp khắc phục hậu quả tại quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Quá thời hạn tự nguyện thi hành của người vi phạm nhưng UBND xã cũng chưa thực hiện theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong khi đây là thẩm quyền của Chủ tịch UBND xã Thuận Lợi theo quy định tại Điều 87 Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 44, Điều 1, Luật XLVPHC năm 2020.

Trách nhiệm này thuộc về ông Lê Đình Tám – Chủ tịch UBND xã Thuận Lợi và ông Tống Trần Đức – Nguyên Công chức ĐC-XD xã Thuận Lợi.

4. Công tác thu – chi đối với lĩnh vực xử phạt vi phạm hành chính.

Đảm bảo theo quy định của Luật Kế toán.

II. UBND xã Tân Phước.

1. Việc chấp hành pháp luật trong công tác lập biên bản vi phạm hành chính.

a) Thẻ thức biên bản vi phạm hành chính.

Chấp hành theo đúng mẫu Biên bản số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật XLVPHC.

b) Tính kịp thời trong việc phát hiện vi phạm và lập biên bản vi phạm hành chính.

Về cơ bản là chấp hành công tác phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm về đất đai theo quy định tại Điều 208 Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản pháp luật có liên quan.

c) Việc chấp hành pháp luật về lập biên bản vi phạm hành chính.

- Việc lập biên bản thiếu các yếu tố bắt buộc, cụ thể như: 32/58 biên bản lập đều thiếu địa điểm thửa đất bị vi phạm; 20/58 biên bản không ghi nhận thời gian vi phạm là vi phạm Điều 58 Luật XLVPHC năm 2012 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 29, Điều 1, Luật XLVPHC năm 2020.

- Việc 21/58 biên bản vi phạm hành chính đều ghi nhận tại Mục 10: Ghi nhận quyền và thời gian giải trình của người vi phạm là vi phạm quy định tại Điều 61, Luật XLVPHC năm 2012 và được sửa đổi, bổ sung tại khoản 30, Điều 1, Luật XLVPHC năm 2020.

- Việc 02/58 biên bản vi phạm hành chính được lập sau quá 02 ngày so với thời gian phát hiện hành vi vi phạm là chưa đảm bảo theo quy định tại điểm a, Khoản 2, Điều 12, Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ.

Trách nhiệm này thuộc về ông Nguyễn Văn Hạnh – Nguyên Phó Chủ tịch UBND xã Tân Phước; ông Hà Đức Tính – công chức Địa chính - Xây dựng xã Tân Phước và ông Vũ Văn Ánh – Nguyên Công chức Địa chính – XD xã Tân Phước.

2. Việc chấp hành pháp luật về thể thức quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Chấp hành theo đúng mẫu Quyết định số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật XLVPHC.

3. Việc chấp hành pháp luật về ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

a) Việc chấp hành pháp luật về xác định địa điểm và thời gian vi phạm tại quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

- 20/58 quyết định không ghi nhận thời gian vi phạm; 32/58 quyết định không ghi nhận địa điểm vi phạm. Là vi phạm Điều 3 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020).

Trách nhiệm này thuộc về ông Nguyễn Văn Hạnh – Nguyên Phó Chủ tịch UBND xã Tân Phước; ông Hà Đức Tính – Công chức Địa chính- Xây dựng xã và ông Vũ Văn Ánh – Nguyên Công chức Địa chính – XD xã Tân Phước.

b) Việc chấp hành pháp luật về thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính.

Chấp hành theo quy định tại Điều 6 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) về thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính.

c) Việc chấp hành pháp luật trong việc xác định tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ theo quy định tại Điều 9 và Điều 10 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020).

Thực hiện đảm bảo theo quy định tại Điều 9 và Điều 10 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020).

d) Việc chấp hành pháp luật về định khung phạt và mức phạt tiền.

Đảm bảo theo quy định tại Điều 3, Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 được sửa đổi, bổ sung năm 2020.

đ) Việc chấp hành pháp luật về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả tại các quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Có 18/58 trường hợp tại các quyết định xử phạt vi phạm hành chính có biện pháp khắc phục hậu quả kèm theo tương ứng với điều luật mà người vi phạm bị xử phạt tiền. Người vi phạm không tự nguyện khắc phục hậu quả nhưng UBND xã Tân Phước cũng

chưa thực hiện theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong khi đây là thẩm quyền của xã theo quy định tại Điều 87 Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 44, Điều 1, Luật XLVPHC năm 2020.

Trách nhiệm này thuộc về ông Nguyễn Văn Hạnh – Nguyên Phó Chủ tịch UBND xã Tân Phước; ông Hà Đức Tính – Công chức Địa chính – Xây dựng xã và ông Vũ Văn Ánh – Nguyên Công chức Địa chính – XD xã Tân Phước.

4. Công tác thu – chi đối với lĩnh vực xử phạt vi phạm hành chính.

Có 05/58 trường hợp không thu tiền chậm nộp phạt do người dân đến nộp chậm là không đảm bảo theo quy định tại Khoản 1, Điều 78, Luật XLVPHC năm 2012 được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 39, Điều 1, Luật sửa đổi, bổ sung năm 2020.

Trách nhiệm này thuộc về ông Nguyễn Văn Hạnh – Nguyên Phó Chủ tịch UBND xã Tân Phước và bà Phan Thị Mai – Kế toán xã Tân Phước.

D. Biện pháp xử lý.

Trên cơ sở kết quả thanh, kiểm tra của Đoàn Thanh tra và kết quả giải trình của đối tượng thanh tra, Chánh Thanh tra huyện nhận thấy tất cả các hành vi vi phạm nêu trên của 02 xã là không có động cơ, mục đích vụ lợi cho bản thân, cũng chưa gây ra hậu quả nghiêm trọng. Chủ yếu là do công chức tham mưu cho lãnh đạo 02 xã chưa nghiên cứu kỹ các quy định của pháp luật về công tác xử lý vi phạm hành chính, dẫn đến việc áp dụng pháp luật khi thực hiện công vụ còn chưa đúng quy định pháp luật. Chánh Thanh tra huyện ban hành văn bản Kết luận thanh tra việc chấp hành pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính đối với Chủ tịch UBND các xã Tân Phước, Thuận Lợi và đề nghị các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện các biện pháp xử lý sau:

I. Đề nghị Trưởng phòng Nội vụ huyện tham mưu Chủ tịch UBND huyện xem xét trách nhiệm đối với:

1. Hành vi lập biên bản vi phạm hành chính không đúng theo quy định (vi phạm Điều 58 Luật XLVPHC năm 2012 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 29, Điều 1, Luật XLVPHC năm 2020; vi phạm Điều 61, Luật XLVPHC năm 2012 và được sửa đổi, bổ sung tại khoản 30, Điều 1, Luật XLVPHC năm 2020); ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính không đúng theo quy định (vi phạm Điều 3 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012), gồm:

Ông Lê Văn Tám – Chủ tịch UBND xã Thuận Lợi;

Ông Nguyễn Văn Hạnh – Nguyên PCT.UBND xã Tân Phước;

Ông Trần Quang - Công chức Địa chính - XD xã Thuận Lợi;

Ông Tống Trần Đức – Nguyên CC ĐC-XD xã Thuận Lợi;

Ông Hà Đức Tính - Công chức Địa chính, xây dựng xã Tân Phước;

Ông Vũ Văn Ánh – Nguyên CC ĐC-XD xã Tân Phước.

2. Hành vi lập biên bản vi phạm hành chính được lập sau quá 02 ngày so với thời gian phát hiện hành vi vi phạm là chưa đảm bảo theo quy định tại điểm a, Khoản 2, Điều 12, Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ, gồm:

Ông Nguyễn Văn Hạnh – Nguyên PCT.UBND xã Tân Phước;

Ông Hà Đức Tính – Công chức Địa chính – XD xã Tân Phước;

Ông Vũ Văn Ánh – Nguyên CC ĐC-XD xã Tân Phước.

3. Áp dụng mẫu biên bản số 01 và mẫu quyết định số 02 không đúng theo Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính. Mà áp dụng mẫu biên bản theo Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính (đã hết hiệu lực thi hành) là vi phạm quy định tại Điều 156, Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015, gồm:

Ông Lê Văn Tám – Chủ tịch UBND xã Thuận Lợi;

Ông Trần Quang - Công chức Địa chính - Xây dựng xã Thuận Lợi.

4. Hành vi không theo dõi và xử lý theo quy định việc chấp hành pháp luật trong thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại Điều 2, Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ, gồm:

Ông Lê Văn Tám – Chủ tịch UBND xã Thuận Lợi;

Ông Nguyễn Văn Hạnh – Nguyên PCT.UBND xã Tân Phước;

Ông Hà Đức Tính - công chức Địa chính, xây dựng xã Tân Phước;

Ông Vũ Văn Ánh – Nguyên CC ĐC-XD xã Tân Phước;

Ông Tống Trần Đức – Nguyên CC ĐC-XD xã Thuận Lợi.

5. Hành vi áp dụng mức phạt tiền không đúng quy định là vi phạm Điều 23, Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), gồm:

Ông Lê Văn Tám – Chủ tịch UBND xã Thuận Lợi;

Ông Trần Quang - Công chức ĐC-XD xã Thuận Lợi;

6. Xác định không đúng hành vi vi phạm là vi phạm Điều 3, Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), gồm:

Ông Nguyễn Văn Hạnh – Nguyên PCT.UBND xã Tân Phước;

Ông Hà Đức Tính - Công chức Địa chính - Xây dựng xã Tân Phước;

7. Không thu tiền chậm nộp phạt do người dân đến nộp chậm là không đảm bảo theo quy định tại khoản 1, Điều 78, Luật XLVPHC năm 2012 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 39, Điều 1, Luật sửa đổi, bổ sung năm 2020, gồm:

Ông Nguyễn Văn Hạnh – Nguyên PCT.UBND xã Tân Phước;

Bà Phan Thị Mai – Kế toán xã Tân Phước.

II. Chủ tịch UBND xã Tân Phước và Thuận Lợi.

Khẩn trương khắc phục những thiếu sót được phát hiện qua thanh tra. Báo cáo kết quả thực hiện về UBND huyện (qua Thanh tra huyện) trước ngày 20/12/2024 để thực hiện công tác theo dõi, xử lý sau thanh tra.

III. Đề nghị Phòng Tư pháp.

Tổ chức tập huấn Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản hướng dẫn thi hành theo quy định pháp luật. Tăng cường công tác kiểm tra việc xử lý vi phạm hành chính đối với các xã, thị trấn.

IV. Chủ tịch UBND các xã, thị trấn.

1. Nghiêm chỉnh chấp hành Luật Đất đai năm 2024, Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản pháp lý có liên quan trong công tác quản lý đất đai và công tác lập hồ sơ vi phạm hành chính, xử phạt vi phạm hành chính trên địa bàn theo đúng quy định của pháp luật.

2. Chủ tịch UBND xã, thị trấn và công chức được phân công phụ trách lĩnh vực xử phạt vi phạm hành chính tăng cường nghiên cứu, nâng cao hơn nữa kiến thức trong lĩnh vực xử phạt vi phạm hành chính.

V. Thanh tra huyện.

Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Kết luận thanh tra này.

VI. Đề nghị Đài Truyền thanh và Truyền hình huyện.

a) Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Kết luận thanh tra có trách nhiệm kiểm tra, biên soạn lại các nội dung cho phù hợp (nếu xét thấy cần thiết) việc biên soạn lại không làm thay đổi các nội dung cơ bản cũng như những số liệu của kết quả thanh tra. Thực hiện công bố công khai trên Đài Truyền thanh và Truyền hình huyện, số lần công bố: Tối thiểu là 02 lần, mỗi lần cách nhau 07 ngày;

b) Báo cáo kết quả thực hiện về Thanh tra huyện trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện việc công bố.

VII. Đề nghị Văn phòng HĐND và UBND huyện:

Đăng tải kết luận thanh tra lên trang điện tử của UBND huyện.

E. Kiến nghị các biện pháp xử lý:

Kiến nghị Chủ tịch UBND huyện giao các cơ quan, đơn vị thực hiện các biện pháp xử lý nêu trên.

Trên đây là Kết luận thanh tra việc chấp hành pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính đối với Chủ tịch UBND các xã: Tân Phước, Thuận Lợi, đề nghị Chủ tịch UBND 02 xã nêu trên và các cá nhân có liên quan nghiêm chỉnh thực hiện Kết luận này./.

Nơi nhận:

- Thanh tra tỉnh;
- TT. Huyện ủy;
- CT, các PCT.UBND huyện;
- UBKT Huyện ủy;
- Phòng Nội vụ;
- Phòng Tư pháp;
- UBND xã Tân Phước và Thuận Lợi;
- Đài Truyền thanh và Truyền hình huyện;
- Văn phòng HĐND và UBND huyện;
- Lưu: VT, HSTT.

CHÁNH THANH TRA



Nguyễn Văn Đốc